**BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM CHƯƠNG I**

**Câu 1:** Hạt nhân nguyên tử cấu tạo bởi:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Proton và electron  C. Nơtron và electron | B. Proton và nơtron  D. Proton, nơtron và electron |

**Câu 2:** Trong các chất sau hãy cho biết dãy nào chỉ gồm toàn đơn chất?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Fe(NO3)2, KCl, N2, Br2  B. Fe, Br2, K, N2 | C. Fe,NO2,Br2, KCl  D. Fe(NO3)2, KCl, HCl, NO2 |

**Câu 3:** Nguyên tử X có nguyên tử khối bằng 2 lần nguyên tử khối oxi. X là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Fe | B. Zn | C. O | D. S |

**Câu 4:** Để chỉ 2 phân tử oxi ta viết

|  |  |
| --- | --- |
| A. O2  B. 2 O | C. 2 O2  D. 4 O |

**Câu 5:** Hợp chất là:

A. Chất được tạo nên từ một nguyên tố hóa học.

B. Chất được tạo nên từ hai nguyên tố hóa học trở lên.

C. Chất được tạo nên từ một nguyên tử

D. Chất được tạo nên từ hai nguyên tử trở lên

**Câu 6:** Phân tử khối của CuO là:

A. 50 đvC B. 60 đvC C. 70 đvC D.80 đvC

**Câu 7:**Trong số các công thức hóa học sau: O2, N2O, Al, Al2O3, H2, AlCl3, H2O, P. Số đơn chất là

A. 4                     B. 3                       C. 5                       D. 6

**Câu 8:** Chất có phân tử khối bằng 102 đvC là:

1. Na2O B. MgO C. Al2O3 D. Fe2O3

**Câu 9:** Cách viết 5C, 4Fe, 7He lần lượt có ý nghĩa gì:

A. Năm nguyên tử cacbon, bốn nguyên tử sắt, bảy nguyên tử Heli

B. Năm nguyên tử canxi, năm nguyên tử cacbon,bảy nguyên tử Heli

C. Ba nguyên tử cacbon, năm nguyên tử Heli, bảy nguyên tử sắt

D. Ba nguyên tử heli, năm nguyên tử sắt, bảy nguyên tử cacbon

**Câu 10:** Công thức hoá học tạo bởi Cr (III) và O (II) là:

A. CrO B. Cr2O3 C. CrO2 D. CrO3

**Câu 11:** Hóa trị của Fe trong công thức Fe2O3 là:

A. II B. III C. VI D. V

**Câu 12:** Công thức hóa học của hợp chất gồm 1S, 2O là

A. SO B. S2O C. SO2 D. SO3

**Câu 13:** Một nguyên tử có tổng số hạt là 58, trong đó số nơtron là 20, số electron và số proton lần lượt là:

A. 16 và 22. B. 18 và 20. C. 19 và 19. D. 20 và 18

**Câu 14:** Phương pháp lọc có thể dùng để tách một hỗn hợp gồm:

A. Muối ăn với nước. B. Muối ăn với đường.

C. Nước và cát. D. Nước lẫn dầu hoả.

**Câu 15:** Số nguyên tử oxi trong công thức hóa học Al2(SO4)3

A.3 B. 4 C. 7 D.12

**Câu 16:** Chất nào sau đây được coi là tinh khiết?

A. Nước cất. B. Nước suối. C. Nước mưa**.** D. Nước khoáng.

**Câu 17:** Một oxit có công thức Fe2Ox, có phân tử khối là 160. Giá trị của x là :

A.1 B.2 C.3 D.4

**Câu 18:** Khối lượng bằng đvC của 5O2 là:

A.32 B.64 C.94 D.160

**Câu 19:** Nguyên tử cacbon nhẹ hơn nguyên tử oxi là:

A.1,3 lần B. 0,5 lần C. 0,57 lần D. 0,75 lần

**Câu 20:** Công thức hóa học của natri là:

1. Nr B.Na C. NA D. Nt